

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điểm chuẩn trúng tuyển đại học hình thức Vừa làm vừa học-Đợt tháng 8/2026

HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 2809/QĐ-TTg ngày 26/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM thành trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 08/01/2021 của Hội đồng trường ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM; Nghị quyết số 118/NQ-HĐT ngày 27/01/2023; Nghị quyết số 136/NQ-HĐT ngày 14/10/2023; Nghị quyết số 182/NQ-HĐT ngày 28/9/2024 và Nghị quyết số 212/NQ-HĐT ngày 18/12/2024 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM;

Căn cứ Quyết định số 2515/QĐ-DHCNKT ngày 08/7/2026 của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh về việc phân công nhiệm vụ của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 06/2025/TT-BGDDT ngày 19 tháng 3 năm 2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDDT ngày 06/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Căn cứ Quyết định số 1340/QĐ-DHCNKT ngày 26 tháng 03 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh vừa làm vừa học 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh số 2654/BB-DHCNKT ngày 15/08/2026 của Hội đồng tuyển sinh vừa làm vừa học 2026.

Theo đề nghị của Hội đồng tuyển sinh vừa làm vừa học 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điểm chuẩn và số lượng thí sinh trúng tuyển vào hệ Đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH)_Đợt 1 (Tháng 8/2026), địa điểm học tại Trường ĐH Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh như sau: (Danh sách thí sinh kèm theo)

TT	Ngành	Mã ngành TS	Điểm chuẩn trúng tuyển		Số lượng trúng tuyển
			TD10	TD4	
Khối: Liên thông Cao đẳng - Đại học					
1.	Công nghệ thông tin	7480201LC	7,00	2,69	91
2.	Công nghệ chế tạo máy	7510202LC	6,00	2.30	42
3.	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205LC	6,50	2.50	82
4.	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301LC	6,50	2.50	72
5.	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303LC	6,50	2.50	61
Tổng					348

Điều 2. Trưởng các Đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- HĐTS VL.VH 2026;
- Lưu: VT, ĐT, *Cục*.

**TM. HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Quách Thanh Hải**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC _ĐỢT THÁNG 08 NĂM 2026

Địa điểm học: Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 88/QĐ-HĐTSVLVH ngày 15 tháng 8 năm 2026)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành Công nghệ thông tin

Điểm chuẩn TT: 7.0 (thang điểm 10) hoặc 2.69 (thang điểm 4)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
1	26UTE-CT-TT08002	Nguyễn Văn	Huy	21/05/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.03		Trúng tuyển
2	26UTE-CT-TT08003	Phạm Trí	Khải	07/09/2003	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.09		Trúng tuyển
3	26JTE-CT-TT08004	Bùi Bảo	Lâm	03/02/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.52		Trúng tuyển
4	26UTE-CT-TT08005	Hứa Đại	Lộc	23/09/1993	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.09		Trúng tuyển
5	26UTE-CT-TT08006	Nguyễn Hữu	Lương	04/01/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.22		Trúng tuyển
6	26UTE-CT-TT08008	Huỳnh Việt	Quân	15/11/2003	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.52		Trúng tuyển
7	26UTE-CT-TT08009	Nguyễn Chí Khánh	Quốc	15/05/2001	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.08		Trúng tuyển
8	26UTE-CT-TT08011	Nguyễn Thái	Tài	14/07/2005	Nam	7480201	CĐCN/KSTH		3.42	Trúng tuyển
9	26UTE-CT-TT08013	Phạm Lê Hoàng	Tuấn	02/11/2000	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.57		Trúng tuyển
10	26UTE-LT-TT08014	Nguyễn Thanh	An	09/12/2005	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	8.30	3.54	Trúng tuyển
11	26UTE-LT-TT08015	Lê Nguyễn Quốc	Anh	25/10/2005	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.50	3.12	Trúng tuyển
12	26UTE-LT-TT08019	Mach	Arafin	15/02/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH		2.93	Trúng tuyển
13	26UTE-LT-TT08020	Hoàng Nguyên	Bảo	09/08/2007	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.60	3.20	Trúng tuyển
14	26UTE-LT-TT08021	Trần Gia	Bảo	12/07/2002	Nam	7480201	CĐCN/KSTH		3.75	Trúng tuyển
15	26UTE-LT-TT08022	Ngô Tấn	Cang	11/02/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	8.20	3.45	Trúng tuyển
16	26UTE-LT-TT08023	Lê Công	Chiến	02/12/2004	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.99		Trúng tuyển
17	26UTE-LT-TT08024	Phạm Lê Thành	Công	16/10/2005	Nam	7480201	CĐCN/KSTH	7.80	3.32	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
18	26UTE-LT-TT08025	Trần Mạnh	Cường	01/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.03	Trúng tuyển
19	26UTE-LT-TT08026	Nguyễn Thành	Danh	08/04/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.24	2.76	Trúng tuyển
20	26UTE-LT-TT08027	Nguyễn Võ Tấn	Dũng	06/12/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.50		Trúng tuyển
21	26UTE-LT-TT08028	Phan Nhựt	Duy	07/10/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.00	3.37	Trúng tuyển
22	26UTE-LT-TT08029	Nguyễn Khánh	Duy	23/08/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH	9.00		Trúng tuyển
23	26UTE-LT-TT08030	Nguyễn Văn	Duy	28/08/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.10		Trúng tuyển
24	26UTE-LT-TT08031	Quách Minh	Duy	30/06/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.00	Trúng tuyển
25	26UTE-LT-TT08032	Trương Hữu	Duy	11/04/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	9.50		Trúng tuyển
26	26UTE-LT-TT08033	Nguyễn Hoàng	Duy	18/01/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.80	3.76	Trúng tuyển
27	26UTE-LT-TT08034	Đỗ Thị Mỹ	Duyên	30/12/2004	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	9.75		Trúng tuyển
28	26UTE-LT-TT08035	Đinh Công	Duyễn	07/10/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.53		Trúng tuyển
29	26UTE-LT-TT08036	Nguyễn Văn Minh	Đạt	28/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.80	3.28	Trúng tuyển
30	26UTE-LT-TT08037	Phạm Tiến	Đạt	07/08/2003	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.31	Trúng tuyển
31	26UTE-LT-TT08038	Bùi Tiến	Đạt	07/02/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.00	3.35	Trúng tuyển
32	26UTE-LT-TT08039	Nguyễn Tấn	Đạt	23/08/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.60	3.68	Trúng tuyển
33	26UTE-LT-TT08040	Nguyễn Hồng	Hải	09/01/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90	3.13	Trúng tuyển
34	26UTE-LT-TT08041	Phạm Gia	Hào	07/11/2003	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.80		Trúng tuyển
35	26UTE-LT-TT08042	Huỳnh Hoàng	Hiệp	17/07/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
36	26UTE-LT-TT08043	Hồ Văn	Hoá	23/07/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.51	3.02	Trúng tuyển
37	26UTE-LT-TT08044	Đoàn Ngọc	Hoàng	10/07/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.82	3.22	Trúng tuyển
38	26UTE-LT-TT08045	Nguyễn Xuân	Hung	25/03/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.00		Trúng tuyển
39	26UTE-LT-TT08046	Vũ Huy	Hùng	25/04/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.40		Trúng tuyển
40	26UTE-LT-TT08048	Trần Quang	Huy	14/09/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.40		Trúng tuyển
41	26UTE-LT-TT08050	Hoàng Thị Thanh	Huyền	30/11/2007	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
42	26UTE-LT-TT08051	Trần Minh	Kha	02/07/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.40	3.59	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
43	26UTE-LT-TT08052	Trần Nguyễn An	Khang	04/01/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.50		Trúng tuyển
44	26UTE-LT-TT08054	Nguyễn Thế	Khang	26/01/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.89	3.11	Trúng tuyển
45	26UTE-LT-TT08055	Đỗ Hoàng Đăng	Khoa	09/11/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
46	26UTE-LT-TT08057	Nguyễn Minh	Khôi	29/12/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.40	3.58	Trúng tuyển
47	26UTE-LT-TT08058	Phạm Hồ Công	Khương	07/11/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.30	3.51	Trúng tuyển
48	26UTE-LT-TT08059	Nguyễn Thị Ánh	Kim	21/05/2005	Nữ	7480201	CĐN/KSTH		3.19	Trúng tuyển
49	26UTE-LT-TT08060	Mai Đặng Anh	Kỳ	04/09/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
50	26UTE-LT-TT08061	Nguyễn Hoàng	Lâm	12/11/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.01	Trúng tuyển
51	26UTE-LT-TT08062	Trần Phúc	Lễ	17/04/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.21	Trúng tuyển
52	26UTE-LT-TT08065	Tạ Minh	Luân	09/09/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
53	26UTE-LT-TT08067	Lâm Gia	Luật	21/04/1999	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.28		Trúng tuyển
54	26UTE-LT-TT08068	Đặng Thành	Mau	03/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.50	3.15	Trúng tuyển
55	26UTE-LT-TT08069	Lê Đình	Nghĩa	20/08/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.70	3.24	Trúng tuyển
56	26UTE-LT-TT08070	Trần Tây	Nguyên	23/04/1997	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.00		Trúng tuyển
57	26UTE-LT-TT08071	Nguyễn Thái	Nguyên	25/09/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.20	3.47	Trúng tuyển
58	26UTE-LT-TT08072	Trương Minh	Nhật	09/02/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.18	Trúng tuyển
59	26UTE-LT-TT08073	Nguyễn Quỳnh Thục	Nhi	22/05/2005	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	8.90	3.75	Trúng tuyển
60	26UTE-LT-TT08074	Phạm Thanh	Nhi	22/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.90		Trúng tuyển
61	26UTE-LT-TT08075	Lương Quỳnh	Như	09/08/2005	Nữ	7480201	CĐN/KSTH		3.36	Trúng tuyển
62	26UTE-LT-TT08076	Nguyễn Minh	Nhật	25/03/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.50	3.61	Trúng tuyển
63	26UTE-LT-TT08078	Trần Duy	Phương	02/04/1994	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.81		Trúng tuyển
64	26UTE-LT-TT08079	Cao Đức	Quý	12/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.80	2.72	Trúng tuyển
65	26UTE-LT-TT08080	Trương Tấn	Sang	16/10/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.80		Trúng tuyển
66	26UTE-LT-TT08081	Phạm Thanh	Sang	06/09/2006	Nam	7480201	CĐN/KSTH		2.76	Trúng tuyển
67	26UTE-LT-TT08082	Nguyễn Văn	Tài	10/01/2003	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.80	3.30	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
68	26UTE-LT-TT08083	Đặng Phước	Tài	17/04/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.40		Trúng tuyển
69	26UTE-LT-TT08084	Phạm Chí	Tâm	21/07/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.60	3.63	Trúng tuyển
70	26UTE-LT-TT08085	Lê	Tân	26/04/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.20	2.97	Trúng tuyển
71	26UTE-LT-TT08086	Trần Thái	Thiện	01/01/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.95	Trúng tuyển
72	26UTE-LT-TT08087	Hoàng Phước	Thiện	16/04/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH		2.84	Trúng tuyển
73	26UTE-LT-TT08089	Phan Hoàng Anh	Thư	01/05/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.10	3.45	Trúng tuyển
74	26UTE-LT-TT08090	Hồ Thị Minh	Thư	25/05/2004	Nữ	7480201	CĐN/KSTH	7.98	3.06	Trúng tuyển
75	26UTE-LT-TT08091	Đỗ Minh	Tiến	12/05/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.60	3.21	Trúng tuyển
76	26UTE-LT-TT08092	Trương Văn Công	Tín	29/10/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.00	3.38	Trúng tuyển
77	26UTE-LT-TT08094	Nguyễn Võ Ngọc	Toàn	03/05/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.80	2.69	Trúng tuyển
78	26UTE-LT-TT08095	Nguyễn Đình	Toàn	02/11/2007	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.50	3.61	Trúng tuyển
79	26UTE-LT-TT08096	Trần Mạnh	Toàn	19/10/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
80	26UTE-LT-TT08097	Nguyễn Đức	Tôn	02/08/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.24	Trúng tuyển
81	26UTE-LT-TT08098	Huỳnh Minh	Trí	04/04/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.00	3.34	Trúng tuyển
82	26UTE-LT-TT08101	Nguyễn Xuân	Trường	22/10/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.04	2.52	Trúng tuyển
83	26UTE-LT-TT08102	Trần Lâm	Trường	28/02/1999	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.80		Trúng tuyển
84	26UTE-LT-TT08103	Đặng Thanh	Tú	22/03/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.38		Trúng tuyển
85	26UTE-LT-TT08104	Phạm Phan Duy	Tú	02/09/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
86	26UTE-LT-TT08105	Trần Lâm	Tuấn	03/11/2004	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.20	2.94	Trúng tuyển
87	26UTE-LT-TT08107	Nguyễn Thanh	Tùng	05/11/1994	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.11	3.31	Trúng tuyển
88	26UTE-LT-TT08108	Võ Thành	Tuyên	12/09/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
89	26UTE-LT-TT08109	Trần Quốc	Vĩ	21/10/2003	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.70		Trúng tuyển
90	26UTE-LT-TT08110	Nguyễn Hoàng	Vũ	10/03/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.50	3.11	Trúng tuyển
91	26UTE-LT-TT08112	Trịnh Huỳnh Gia	Vỹ	04/10/2005	Nam	7480201	CĐN/KSTH		3.38	Trúng tuyển

Danh sách có 91 thí sinh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC _ĐỢT THÁNG 08 NĂM 2026

Địa điểm học: Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 88 /QĐ-HĐTSVLVH ngày 15 tháng 8 năm 2026)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ chế tạo máy

Điểm chuẩn TT: 6.0 (thang điểm 10) hoặc 2.3 (thang điểm 4)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
1	26UTE-CT-C08001	Nguyễn Thanh	Duy	24/01/2003	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	8.86		Trúng tuyển
2	26UTE-CT-C08002	Nguyễn Duy	Huân	10/01/1994	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.62		Trúng tuyển
3	26UTE-CT-C08003	Trần Minh	Huy	12/10/2005	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.92	Trúng tuyển
4	26UTE-CT-C08004	Lê Nguyễn Đức	Huy	26/10/2004	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.61		Trúng tuyển
5	26UTE-CT-C08005	Phan Đức	Lâm	22/01/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.54		Trúng tuyển
6	26UTE-CT-C08006	Trần Thiện	Quang	20/05/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.63		Trúng tuyển
7	26UTE-CT-C08007	Phạm Duy	Tân	01/01/2003	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.58		Trúng tuyển
8	26UTE-CT-C08008	Vũ Văn	Thanh	17/10/1993	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.04		Trúng tuyển
9	26UTE-CT-C08010	Đỗ Hoàng Triều	Vỹ	15/01/2006	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		3.19	Trúng tuyển
10	26UTE-LT-C08011	Huỳnh Vũ Trường	An	21/12/2004	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.54	2.81	Trúng tuyển
11	26UTE-LT-C08012	Đặng Trần Đức	Anh	04/11/1997	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.89	2.59	Trúng tuyển
12	26UTE-LT-C08013	Võ Nhật	Duy	03/04/2005	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.80	Trúng tuyển
13	26UTE-LT-C08014	Nguyễn Hoàng	Duy	17/01/2001	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
14	26UTE-LT-C08015	Cao Minh	Đạt	15/10/1999	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.90		Trúng tuyển
15	26UTE-LT-C08016	Nguyễn Thành	Giang	22/09/2000	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.75		Trúng tuyển
16	26UTE-LT-C08017	Nguyễn Minh	Hiền	02/12/2003	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.40		Trúng tuyển
17	26UTE-LT-C08018	Nguyễn Minh	Hiền	16/10/2005	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.30	Trúng tuyển
18	26UTE-LT-C08019	Trần Hoàng	Hiệp	09/06/2005	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.98	Trúng tuyển
19	26UTE-LT-C08020	Lương Văn	Hội	07/06/2004	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	6.90		Trúng tuyển
20	26UTE-LT-C08021	Ngô Hoàng Đình	Huy	22/08/2003	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.66	Trúng tuyển
21	26UTE-LT-C08022	Trần Ngọc Gia	Huy	15/11/2006	Nam	7510202	CĐCN/KSTH		2.60	Trúng tuyển
22	26UTE-LT-C08023	Trần Như	Khoa	12/07/2004	Nam	7510202	CĐCN/KSTH	7.26		Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
23	26UTE-LT-C08024	Nguyễn Tuấn	Kiệt	28/05/2006	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.90		Trúng tuyển
24	26UTE-LT-C08025	Lê Thành	Long	26/07/2006	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.20		Trúng tuyển
25	26UTE-LT-C08026	Trương Minh	Mẫn	14/10/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.42	2.99	Trúng tuyển
26	26UTE-LT-C08027	Phan Cao	Minh	30/12/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.15	2.65	Trúng tuyển
27	26UTE-LT-C08028	Lê Thị Cẩm	My	30/09/2005	Nữ	7510202	CĐN/KSTH	7.46		Trúng tuyển
28	26UTE-LT-C08029	Nguyễn Trung	Nhân	16/10/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.32		Trúng tuyển
29	26UTE-LT-C08030	Tô Hữu	Nhân	23/11/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.44		Trúng tuyển
30	26UTE-LT-C08031	Lê Quang	Nhật	03/05/2003	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.21		Trúng tuyển
31	26UTE-LT-C08032	Đỗ Thanh	Phong	05/05/2002	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.74		Trúng tuyển
32	26UTE-LT-C08033	Ngô Quang	Sáng	09/10/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.75		Trúng tuyển
33	26UTE-LT-C08034	Nguyễn Cảnh	Son	29/12/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
34	26UTE-LT-C08035	Trần Minh	Tâm	01/11/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.33		Trúng tuyển
35	26UTE-LT-C08036	Đặng Minh	Tấn	03/03/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.83		Trúng tuyển
36	26UTE-LT-C08037	Lê Thanh	Thắng	30/09/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.20		Trúng tuyển
37	26UTE-LT-C08038	Nguyễn Ngọc	Thiện	19/10/1996	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.50		Trúng tuyển
38	26UTE-LT-C08039	Hồ Sỹ	Triệu	26/03/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.01		Trúng tuyển
39	26UTE-LT-C08040	Nguyễn Xuân	Tư	16/08/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
40	26UTE-LT-C08041	Lê Đoàn Quốc	Tuấn	11/06/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.10		Trúng tuyển
41	26UTE-LT-C08042	Nguyễn Hoàng	Vinh	27/02/2004	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.00	3.41	Trúng tuyển
42	26UTE-LT-C08043	Lê Hoàng Ngọc	Vũ	03/11/2005	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.50		Trúng tuyển

Danh sách có 42 thí sinh.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC _ĐỢT THÁNG 08 NĂM 2026

Địa điểm học: Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 88 /QĐ-HĐTSVLVH ngày 15 tháng 8 năm 2026)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành Công nghệ kỹ thuật ô tô

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.5 (thang điểm 4)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
1	26UTE-CT-OT08001	Nguyễn Hải	An	21/04/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.81		Trúng tuyển
2	26UTE-CT-OT08003	Nguyễn Anh	Duy	03/11/2004	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.27		Trúng tuyển
3	26UTE-CT-OT08004	Lý Tấn	Đạt	08/02/2004	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.39		Trúng tuyển
4	26UTE-CT-OT08005	Lê Trần Phúc	Hào	29/12/2003	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.22		Trúng tuyển
5	26UTE-CT-OT08007	Đặng Thanh	Hùng	09/09/2002	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.72		Trúng tuyển
6	26UTE-CT-OT08008	Huỳnh Văn	Lộc	10/01/2004	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
7	26UTE-CT-OT08009	Trần Văn	Nhàn	21/07/1996	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.74		Trúng tuyển
8	26UTE-CT-OT08010	Trần Phước	Sang	16/04/2003	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.55		Trúng tuyển
9	26UTE-CT-OT08011	Huỳnh Văn	Tuấn	15/11/2002	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.58		Trúng tuyển
10	26UTE-LT-OT08012	Trương Hoài	Bảo	03/03/2005	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.30	3.59	Trúng tuyển
11	26UTE-LT-OT08013	Nguyễn Đình Duy	Bảo	26/04/2004	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.45	2.94	Trúng tuyển
12	26UTE-LT-OT08014	Lưu Bùi Gia	Bảo	10/06/2005	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.85		Trúng tuyển
13	26UTE-LT-OT08015	Trần Hiếu	Bình	24/10/2007	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.40	3.03	Trúng tuyển
14	26UTE-LT-OT08016	Nguyễn Hoàng Minh	Chí	23/05/2006	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.12	2.59	Trúng tuyển
15	26UTE-LT-OT08017	Lê Quang	Chiến	04/11/2005	Nam	7510205	CĐCN/KSTH		3.33	Trúng tuyển
16	26UTE-LT-OT08018	Nguyễn Đức	Chung	14/02/2005	Nam	7510205	CĐCN/KSTH		2.98	Trúng tuyển
17	26UTE-LT-OT08019	Nguyễn Hữu	Công	02/10/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
18	26UTE-LT-OT08020	Ngô In	Du	26/09/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.00		Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
19	26UTE-LT-OT08021	Lê Trịnh Đức	Đan	10/07/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	9.00		Trúng tuyển
20	26UTE-LT-OT08022	Nguyễn Thanh Thành	Đạt	22/03/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.75	2.48	Trúng tuyển
21	26UTE-LT-OT08024	Trần Nguyễn Hải	Đăng	09/03/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.17		Trúng tuyển
22	26UTE-LT-OT08025	Vũ Lâm Sơn	Hà	30/07/2003	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.98		Trúng tuyển
23	26UTE-LT-OT08026	Trần Xuân	Hà	27/07/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	9.35		Trúng tuyển
24	26UTE-LT-OT08027	Phạm Ngọc	Hải	02/09/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.32		Trúng tuyển
25	26UTE-LT-OT08028	Đoàn Quang	Hải	09/06/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.00	3.35	Trúng tuyển
26	26UTE-LT-OT08029	Vũ Phi	Hải	22/11/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.65		Trúng tuyển
27	26UTE-LT-OT08030	Vũ Đức	Hạnh	03/02/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.06	3.31	Trúng tuyển
28	26UTE-LT-OT08031	Khổng Trung	Hào	13/02/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	9.00		Trúng tuyển
29	26UTE-LT-OT08032	Nguyễn Hoàng	Hiệp	06/08/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.98		Trúng tuyển
30	26UTE-LT-OT08033	Dương Chí	Hiếu	02/10/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.75		Trúng tuyển
31	26UTE-LT-OT08034	Trần Chí	Hiếu	17/02/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.90	Trúng tuyển
32	26UTE-LT-OT08035	Lê Trọng	Hiếu	14/01/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.10	Trúng tuyển
33	26UTE-LT-OT08036	Phạm Chí	Hòa	15/10/2003	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.56		Trúng tuyển
34	26UTE-LT-OT08037	Văn Công	Hoài	24/03/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	9.37		Trúng tuyển
35	26UTE-LT-OT08038	Trần Văn Huy	Hoàng	15/12/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.72	2.32	Trúng tuyển
36	26UTE-LT-OT08039	Hoàng Phi	Hồng	27/04/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.80		Trúng tuyển
37	26UTE-LT-OT08040	Nguyễn Trần Nhật	Huy	23/09/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.95		Trúng tuyển
38	26UTE-LT-OT08042	Nguyễn Hoàng	Kha	01/11/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.30	3.58	Trúng tuyển
39	26UTE-LT-OT08043	Nguyễn Huỳnh	Khải	07/06/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.60		Trúng tuyển
40	26UTE-LT-OT08044	Nguyễn Đình Phúc	Khang	01/03/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.93	Trúng tuyển
41	26UTE-LT-OT08045	Phan Hiền	Khang	23/11/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.80	3.18	Trúng tuyển
42	26UTE-LT-OT08046	Đình Trung	Khoa	16/08/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.59	Trúng tuyển
43	26UTE-LT-OT08047	Võ Tấn	Khoa	18/08/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.52		Trúng tuyển
44	26UTE-LT-OT08048	Nguyễn Đức	Kiên	26/12/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.87		Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
45	26UTE-LT-OT08049	Nguyễn Anh	Kiệt	28/10/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.92	Trúng tuyển
46	26UTE-LT-OT08050	Nguyễn Gia	Kiệt	25/12/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.04	Trúng tuyển
47	26UTE-LT-OT08051	Nguyễn Tuấn	Kiệt	18/06/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.20	2.64	Trúng tuyển
48	26UTE-LT-OT08052	Lê Tiến Hoàng	Long	05/07/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.64	3.65	Trúng tuyển
49	26UTE-LT-OT08053	Đặng Công	Lực	10/07/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.20	3.35	Trúng tuyển
50	26UTE-LT-OT08054	Trần Công	Minh	28/12/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.22		Trúng tuyển
51	26UTE-LT-OT08055	Ksor	Moih	16/06/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.75		Trúng tuyển
52	26UTE-LT-OT08056	Nguyễn Thị Như	Muội	26/12/2003	Nữ	7510205	CĐN/KSTH		3.73	Trúng tuyển
53	26UTE-LT-OT08057	Trần Đình	Nam	23/10/2003	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.54	Trúng tuyển
54	26UTE-LT-OT08058	Huỳnh Vũ Nhật	Nam	22/09/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.10		Trúng tuyển
55	26UTE-LT-OT08059	Dương Quốc	Nhã	15/06/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.52	3.02	Trúng tuyển
56	26UTE-LT-OT08060	Lê Văn	Nhân	28/06/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.16	Trúng tuyển
57	26UTE-LT-OT08062	Trịnh Lê	Phong	02/01/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
58	26UTE-LT-OT08063	Nguyễn Thanh	Phong	26/12/2003	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
59	26UTE-LT-OT08064	Nguyễn Thanh	Phong	01/01/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.13	Trúng tuyển
60	26UTE-LT-OT08065	Bùi Đỗ Thiên	Phú	14/12/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.43	3.05	Trúng tuyển
61	26UTE-LT-OT08066	Ngô Trần Thiên	Phúc	10/07/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.70	3.17	Trúng tuyển
62	26UTE-LT-OT08067	Dương Hoàng	Phúc	11/06/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.89	Trúng tuyển
63	26UTE-LT-OT08068	Trần Hữu	Phước	15/12/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.26		Trúng tuyển
64	26UTE-LT-OT08069	Đào Thu	Phương	05/09/2003	Nữ	7510205	CĐN/KSTH	8.55		Trúng tuyển
65	26UTE-LT-OT08070	Trần Minh	Phương	11/08/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.54		Trúng tuyển
66	26UTE-LT-OT08071	Nguyễn Minh	Quân	11/10/2003	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.29		Trúng tuyển
67	26UTE-LT-OT08072	Trương Ngọc	Quý	10/10/2006	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.60	Trúng tuyển
68	26UTE-LT-OT08073	Nguyễn Phú	Quốc	12/10/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.20		Trúng tuyển
69	26UTE-LT-OT08074	Nguyễn Ngọc Việt	Quốc	17/01/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.00	3.15	Trúng tuyển
70	26UTE-LT-OT08075	Nguyễn Hoàng Anh	Tâm	14/01/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.46		Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
71	26UTE-LT-OT08076	Lê Nhật	Tân	26/10/2006	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.60	Trúng tuyển
72	26UTE-LT-OT08077	Đỗ Quang	Thắng	07/06/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.04		Trúng tuyển
73	26UTE-LT-OT08078	Lê Văn Hoàng Đại	Thắng	20/09/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.60		Trúng tuyển
74	26UTE-LT-OT08079	Nguyễn Minh	Thiện	25/06/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.20		Trúng tuyển
75	26UTE-LT-OT08080	Nguyễn Minh	Thiện	30/10/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.80	2.38	Trúng tuyển
76	26UTE-LT-OT08083	Nguyễn Xuân	Toàn	28/06/2006	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.68	Trúng tuyển
77	26UTE-LT-OT08084	Phạm Đăng Minh	Trí	03/06/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.95	Trúng tuyển
78	26UTE-LT-OT08085	Hồ Đình Minh	Trí	14/05/1998	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.99		Trúng tuyển
79	26UTE-LT-OT08086	Triệu Nguyễn Quốc	Trung	10/11/2005	Nam	7510205	CĐN/KSTH		3.11	Trúng tuyển
80	26UTE-LT-OT08087	Mai Thanh	Tuấn	30/09/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH		2.85	Trúng tuyển
81	26UTE-LT-OT08088	Lữ Minh	Viện	22/11/2007	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.90	3.39	Trúng tuyển
82	26UTE-LT-OT08089	Nguyễn Trọng	Vinh	20/01/2004	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.93		Trúng tuyển

Danh sách có 82 thí sinh

ks

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC _ĐỢT THÁNG 08 NĂM 2026

Địa điểm học: Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 88 /QĐ-HĐTSVLVH ngày 15 tháng 8 năm 2026)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.5 (thang điểm 4)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
1	26UTE-CT-D08001	Trần Duy	Anh	21/08/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.97		Trúng tuyển
2	26UTE-CT-D08002	Đoàn Lê Minh	Chánh	03/03/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.84		Trúng tuyển
3	26UTE-CT-D08004	Nguyễn Quang	Huy	09/01/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.83		Trúng tuyển
4	26UTE-CT-D08005	Nguyễn Đăng	Khoa	01/10/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.24		Trúng tuyển
5	26UTE-CT-D08006	Hồ Văn	Lam	30/11/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.09		Trúng tuyển
6	26UTE-CT-D08007	Nguyễn Đình Bảo	Long	12/02/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.16		Trúng tuyển
7	26UTE-CT-D08008	Phạm Hữu	Luân	08/07/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.17		Trúng tuyển
8	26UTE-CT-D08009	Chu Hoàng	Nam	29/07/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.60		Trúng tuyển
9	26UTE-CT-D08010	Nguyễn Tấn Minh	Nhật	15/05/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.36		Trúng tuyển
10	26UTE-CT-D08011	Lê Nguyễn Tiến	Phát	22/12/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.34		Trúng tuyển
11	26UTE-CT-D08012	Đàng Thanh	Quốc	20/01/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.52		Trúng tuyển
12	26UTE-CT-D08013	Nguyễn Chí	Tài	17/11/2003	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.70		Trúng tuyển
13	26UTE-CT-D08014	Trương Quốc	Tài	16/01/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.15		Trúng tuyển
14	26UTE-CT-D08015	Đặng Minh	Tân	23/08/2003	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.99		Trúng tuyển
15	26UTE-CT-D08016	Ngô Ngọc Phúc	Thiện	21/03/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.01		Trúng tuyển
16	26UTE-CT-D08017	Nguyễn Văn Chí	Thuận	27/10/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.93		Trúng tuyển
17	26UTE-CT-D08018	Vũ Thành	Trí	02/01/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.00		Trúng tuyển
18	26UTE-CT-D08019	Huỳnh Quốc	Trọng	17/10/2005	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.00	2.78	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
19	26UTE-CT-D08020	Lê Minh	Tú	07/04/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.00		Trúng tuyển
20	26UTE-CT-D08021	Nguyễn Văn	Tú	10/02/2003	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.68		Trúng tuyển
21	26UTE-CT-D08023	Đoàn Quốc	Việt	21/11/2004	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
22	26UTE-LT-D08025	Lê Sơn Tuấn	Anh	21/06/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH		3.20	Trúng tuyển
23	26UTE-LT-D08026	Trần Hải	Âu	22/05/2005	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.30	2.81	Trúng tuyển
24	26UTE-LT-D08027	Trần Hoài	Bảo	19/04/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH		2.79	Trúng tuyển
25	26UTE-LT-D08028	Lê Hoài	Bảo	21/05/2005	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.59		Trúng tuyển
26	26UTE-LT-D08029	Vũ Hoàng Quốc	Bảo	07/12/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.27		Trúng tuyển
27	26UTE-LT-D08030	Nguyễn Công	Chính	30/10/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.98		Trúng tuyển
28	26UTE-LT-D08031	Nguyễn Phan Văn	Chương	04/06/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.60		Trúng tuyển
29	26UTE-LT-D08032	Huỳnh Nguyễn Tấn	Cường	10/09/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.01		Trúng tuyển
30	26UTE-LT-D08033	Lê Anh	Dũng	15/09/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.30		Trúng tuyển
31	26UTE-LT-D08034	Châu Hữu	Đạt	12/01/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.76		Trúng tuyển
32	26UTE-LT-D08035	Nguyễn Anh	Đức	24/09/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.82	3.22	Trúng tuyển
33	26UTE-LT-D08036	Đào Thiên	Hải	11/05/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.60		Trúng tuyển
34	26UTE-LT-D08037	Nguyễn Hữu	Hiền	18/09/1995	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20		Trúng tuyển
35	26UTE-LT-D08038	Cao Văn	Hiếu	10/04/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.86	2.45	Trúng tuyển
36	26UTE-LT-D08039	Cao Minh	Hiếu	07/06/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.40		Trúng tuyển
37	26UTE-LT-D08040	Lê Như	Học	07/09/1994	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.68	3.07	Trúng tuyển
38	26UTE-LT-D08041	Phan Nhật	Huy	30/12/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.99	3.30	Trúng tuyển
39	26UTE-LT-D08042	Lâm Gia	Huy	18/09/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.86	3.09	Trúng tuyển
40	26UTE-LT-D08043	Nguyễn Tuấn	Khanh	28/06/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH		2.77	Trúng tuyển
41	26UTE-LT-D08044	Lê Quốc	Khanh	15/07/1997	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.30		Trúng tuyển
42	26UTE-LT-D08046	Đặng Quốc	Lâm	19/08/2003	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.20		Trúng tuyển
43	26UTE-LT-D08047	Nguyễn Văn	Lợi	05/01/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.50		Trúng tuyển
44	26UTE-LT-D08048	Lê Minh	Luân	10/12/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH		3.10	Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
45	26UTE-LT-D08050	Nguyễn Công	Nam	10/01/1993	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.90	3.90	Trúng tuyển
46	26UTE-LT-D08051	Trần Hoàng Nhật	Nam	17/02/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.10	2.63	Trúng tuyển
47	26UTE-LT-D08052	Đặng Dương Kim	Ngân	05/07/2006	Nữ	7510301	CĐN/KSTH		3.07	Trúng tuyển
48	26UTE-LT-D08053	Nguyễn Trường	Nhật	10/10/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.21		Trúng tuyển
49	26UTE-LT-D08054	Nguyễn Đức	Phát	19/10/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.50		Trúng tuyển
50	26UTE-LT-D08055	Lê Hoàng	Phúc	07/04/2005	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.60	3.69	Trúng tuyển
51	26UTE-LT-D08056	Trần Văn	Quyền	23/05/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20	2.83	Trúng tuyển
52	26UTE-LT-D08057	Lưu Văn	Sáng	09/09/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	9.10		Trúng tuyển
53	26UTE-LT-D08058	Lâm Thanh	Sâm	27/07/2005	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.38	3.42	Trúng tuyển
54	26UTE-LT-D08059	Nguyễn Ngọc	Son	04/01/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.51		Trúng tuyển
55	26UTE-LT-D08060	Dương Phương	Tâm	01/06/2004	Nữ	7510301	CĐN/KSTH	9.00		Trúng tuyển
56	26UTE-LT-D08061	Nguyễn Đức	Thành	08/08/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH		3.08	Trúng tuyển
57	26UTE-LT-D08062	Nguyễn Nam	Thanh	09/08/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.80		Trúng tuyển
58	26UTE-LT-D08063	Lê Minh	Thắng	05/07/2005	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.17		Trúng tuyển
59	26UTE-LT-D08064	Hồ Nam	Thiên	18/03/2006	Nam	7510301	CĐN/KSTH		2.72	Trúng tuyển
60	26UTE-LT-D08065	Phan Trường	Thịnh	11/03/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.10		Trúng tuyển
61	26UTE-LT-D08066	Dương Minh	Tiến	01/02/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.20		Trúng tuyển
62	26UTE-LT-D08067	Nguyễn Duy	Tiên	30/07/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.60		Trúng tuyển
63	26UTE-LT-D08068	Nguyễn Quốc	Trạng	24/09/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.32		Trúng tuyển
64	26UTE-LT-D08069	Lư Anh	Trầm	16/12/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH		2.51	Trúng tuyển
65	26UTE-LT-D08070	Nguyễn Minh	Triết	18/03/2007	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.98	3.17	Trúng tuyển
66	26UTE-LT-D08071	Nguyễn Đức	Trọng	04/04/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.87		Trúng tuyển
67	26UTE-LT-D08072	Trương Quốc	Tú	10/02/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH		3.18	Trúng tuyển
68	26UTE-LT-D08073	Trần Văn	Tú	15/06/2003	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.84		Trúng tuyển
69	26UTE-LT-D08074	Trần Anh	Tuấn	27/10/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.98		Trúng tuyển
70	26UTE-LT-D08075	Nguyễn Thị Thanh	Vân	21/06/1998	Nữ	7510301	CĐN/KSTH	9.63		Trúng tuyển

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
							TĐ 10	TĐ 4	
71	26UTE-LT-D08076	Tô Thanh Vũ	09/02/2004	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.36		Trúng tuyển
72	26UTE-LT-D08077	Nguyễn Vĩnh Bảo Vương	10/07/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.90	2.70	Trúng tuyển

Danh sách có 72 thí sinh 

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT TP.HCM
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH ĐẠI HỌC
VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC _ĐỢT THÁNG 08 NĂM 2026

Địa điểm học: Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP.HCM

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 88 /QĐ-HĐTSVLVH ngày 15 tháng 8 năm 2026)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.5 (thang điểm 4)

STT	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ
							TĐ 10	TĐ 4	
1	26UTE-CT-TD08001	Phạm Dương Quang Anh	12/05/2003	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.69		Trúng tuyển
2	26UTE-CT-TD08002	Nguyễn Hoàng Bảo	21/02/2003	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.52		Trúng tuyển
3	26UTE-CT-TD08003	Lê Mỹ Danh	20/05/2004	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.66		Trúng tuyển
4	26UTE-CT-TD08004	Nguyễn Hải Dương	01/03/1997	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.21		Trúng tuyển
5	26UTE-CT-TD08005	Sử Trọng Duy	10/09/1996	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.60	2.97	Trúng tuyển
6	26UTE-CT-TD08006	Lê Tấn Đạt	18/01/2001	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.09		Trúng tuyển
7	26UTE-CT-TD08007	Hồ Thành Được	15/04/2000	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.55		Trúng tuyển
8	26UTE-CT-TD08008	Khuru Giang Khánh	25/05/1993	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.76		Trúng tuyển
9	26UTE-CT-TD08010	Trần Quốc Nhựt	20/11/2004	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.87		Trúng tuyển
10	26UTE-CT-TD08011	Huỳnh Minh Quang	11/12/2002	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.01		Trúng tuyển
11	26UTE-CT-TD08012	Phan Thành Tài	17/05/2002	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.90		Trúng tuyển
12	26UTE-CT-TD08013	Nguyễn Văn Tâm	03/06/2002	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	6.82		Trúng tuyển
13	26UTE-CT-TD08014	Nguyễn Thanh Trà	15/04/1996	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.27		Trúng tuyển
14	26UTE-CT-TD08016	Nguyễn Minh Tuấn	01/06/2003	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	7.30	2.91	Trúng tuyển
15	26UTE-LT-TD08018	Nguyễn Tuấn Anh	09/02/2004	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.00		Trúng tuyển
16	26UTE-LT-TD08019	Phạm Nguyễn Tuấn Anh	12/07/2007	Nam	7510303	CĐCN/KSTH	8.01	3.02	Trúng tuyển
17	26UTE-LT-TD08020	Dương Thị Bích	14/10/2004	Nữ	7510303	CĐCN/KSTH	7.20		Trúng tuyển



STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
18	26UTE-LT-TD08021	Nông Đình	Chiến	14/11/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.50	3.08	Trúng tuyển
19	26UTE-LT-TD08022	Nguyễn Chí	Cường	19/01/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.60	3.18	Trúng tuyển
20	26UTE-LT-TD08023	Nguyễn Hoàng	Duy	29/02/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.90	3.38	Trúng tuyển
21	26UTE-LT-TD08024	Mai Tiến	Đạt	04/08/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.90	3.34	Trúng tuyển
22	26UTE-LT-TD08025	Nguyễn Ngọc	Hà	13/09/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.60	3.18	Trúng tuyển
23	26UTE-LT-TD08027	Nguyễn Văn Hòa	Hiệp	01/12/2006	Nam	7510303	CĐN/KSTH		2.50	Trúng tuyển
24	26UTE-LT-TD08028	Nguyễn Việt	Hòa	01/11/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	9.01		Trúng tuyển
25	26UTE-LT-TD08029	Hoàng Bá	Hung	06/05/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.00	2.81	Trúng tuyển
26	26UTE-LT-TD08031	Nguyễn Lê Đức	Hướng	13/12/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.52		Trúng tuyển
27	26UTE-LT-TD08033	Nguyễn Trần Duy	Khang	02/12/2006	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.27	3.48	Trúng tuyển
28	26UTE-LT-TD08034	Bùi Đăng	Khôi	08/04/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.40	3.55	Trúng tuyển
29	26UTE-LT-TD08035	Nguyễn Hữu	Khôi	30/03/2002	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.00		Trúng tuyển
30	26UTE-LT-TD08036	Phạm Gia	Lâm	21/02/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.50	2.61	Trúng tuyển
31	26UTE-LT-TD08037	Võ Phạm Hoàng	Lâm	03/04/2006	Nam	7510303	CĐN/KSTH		2.98	Trúng tuyển
32	26UTE-LT-TD08038	Cao Tấn	Lộc	13/10/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.30	3.01	Trúng tuyển
33	26UTE-LT-TD08039	Lê Thành	Lợi	24/10/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.20	2.97	Trúng tuyển
34	26UTE-LT-TD08040	Nguyễn Đình	Long	12/07/2006	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.58	3.67	Trúng tuyển
35	26UTE-LT-TD08041	Đỗ Công	Lý	01/09/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.23	2.93	Trúng tuyển
36	26UTE-LT-TD08042	Nguyễn Chi	Mạnh	11/01/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.20		Trúng tuyển
37	26UTE-LT-TD08044	Trần Thế	Phi	01/08/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.70		Trúng tuyển
38	26UTE-LT-TD08045	Lê Khắc Minh	Phong	17/09/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.92		Trúng tuyển
39	26UTE-LT-TD08046	Nguyễn Hoàng	Phong	24/06/2002	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.90	2.66	Trúng tuyển
40	26UTE-LT-TD08047	Nguyễn Hồng	Quân	22/08/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.80	3.23	Trúng tuyển
41	26UTE-LT-TD08048	Võ Văn	Quốc	07/11/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH		2.64	Trúng tuyển
42	26UTE-LT-TD08049	Nguyễn Ngọc	Quý	12/07/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.20	3.45	Trúng tuyển
43	26UTE-LT-TD08050	Trần Ngọc	Quyên	15/02/2002	Nữ	7510303	CĐN/KSTH	9.13		Trúng tuyển



STT	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ
								TĐ 10	TĐ 4	
44	26UTE-LT-TD08051	Nguyễn Hữu	Sáng	19/08/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
45	26UTE-LT-TD08052	Tổng Nhật Anh	Tài	11/04/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.90	2.86	Trúng tuyển
46	26UTE-LT-TD08053	Cao Tấn	Tài	14/04/2000	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.80	3.78	Trúng tuyển
47	26UTE-LT-TD08054	Lê Phước	Tài	17/11/2007	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.07		Trúng tuyển
48	26UTE-LT-TD08055	Nguyễn Trí	Tài	07/02/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.92		Trúng tuyển
49	26UTE-LT-TD08056	Nguyễn Như	Thành	11/03/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.30		Trúng tuyển
50	26UTE-LT-TD08057	Đỗ Thành	Thi	17/07/2002	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.58		Trúng tuyển
51	26UTE-LT-TD08058	Quách Văn	Thiện	29/04/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.80		Trúng tuyển
52	26UTE-LT-TD08059	Nguyễn Văn	Tiến	11/07/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.70	3.27	Trúng tuyển
53	26UTE-LT-TD08060	Nguyễn Thành	Tính	20/04/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.11		Trúng tuyển
54	26UTE-LT-TD08061	Phạm Bá	Toại	04/04/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	8.59		Trúng tuyển
55	26UTE-LT-TD08062	Võ Minh	Toàn	14/05/2005	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.10	2.91	Trúng tuyển
56	26UTE-LT-TD08063	Trương Minh	Toàn	11/11/2002	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.40		Trúng tuyển
57	26UTE-LT-TD08064	Nguyễn Hữu	Tồn	14/12/2003	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.75		Trúng tuyển
58	26UTE-LT-TD08066	Huỳnh Lâm	Trường	15/12/2001	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.41		Trúng tuyển
59	26UTE-LT-TD08067	Phan Thanh	Tú	13/11/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	7.50	3.14	Trúng tuyển
60	26UTE-LT-TD08068	Lý Lưu	Vĩ	06/11/2006	Nam	7510303	CĐN/KSTH		2.80	Trúng tuyển
61	26UTE-LT-TD08069	Phạm Quốc	Việt	06/09/2004	Nam	7510303	CĐN/KSTH	6.80	2.79	Trúng tuyển

Danh sách có 61 thí sinh